

KATE, SIWONSCHOOL LANGUAGE LAB

IELTS
ALL IN
ONE

VIC IELTS LISTENING START

ĐẶNG HOÀNG HẠNH dịch



NHÀ XUẤT BẢN
DÂN TRÍ

I MỤC LỤC I

Lời nói đầu	
Mục lục	
Bố cục nội dung sách	
Giới thiệu về IELTS	
Phân tích đề thi IELTS	
Kế hoạch học tập	

Nắm vững kỹ năng Listening cơ bản

Tầm quan trọng của kỹ năng Nghe và Đọc hiểu cơ bản trong cải thiện điểm số.....	029
Unit 1 Làm quen với các phát âm cơ bản trong IELTS Listening	030
Unit 2 Nghe hiểu câu dài	042
Unit 3 Phương pháp Dictation và Shadowing	048
Unit 4 Phân tích đề bài và từ khóa	054

SECTION 1

Xu hướng ra đề gần đây của IELTS LISTENING Section 1	065
Section 1 Từ vựng thường gặp theo chủ đề	066
Unit 5 Phân tích đề bài	068
Unit 6 Nắm vững phương pháp làm bài	078
Unit 7 Luyện tập (1)	094
Dictation và Shadowing	098
Unit 8 Luyện tập (2)	100
Dictation và Shadowing	104
Section 1 Các cụm từ thường được paraphrase	106

SECTION 2

Xu hướng ra đề gần đây của IELTS LISTENING Section 2	109
Section 2 Từ vựng thường gặp theo chủ đề	110
Unit 9 Phân tích đề bài	112
Unit 10 Nắm vững phương pháp làm bài	124
Unit 11 Luyện tập (1)	134
Dictation và Shadowing	140
Unit 12 Luyện tập (2)	142
Dictation và Shadowing	146
Section 2 Các cụm từ thường được paraphrase	148



SECTION 3

Xu hướng ra đề gần đây của IELTS LISTENING Section 3	151
Section 3 Từ vựng thường gặp theo chủ đề	152
Unit 13 Phân tích đề bài	154
Unit 14 Nắm vững phương pháp làm bài	168
Unit 15 Luyện tập (1)	180
Dictation và Shadowing	186
Unit 16 Luyện tập (2)	188
Dictation và Shadowing	194
Section 3 Các cụm từ thường được paraphrase	196

SECTION 4

Xu hướng ra đề gần đây của IELTS LISTENING Section 4	199
Section 4 Từ vựng thường gặp theo chủ đề	200
Unit 17 Phân tích đề bài	202
Unit 18 Nắm vững phương pháp làm bài	214
Unit 19 Luyện tập (1)	226
Dictation và Shadowing	232
Unit 20 Luyện tập (2)	234
Dictation và Shadowing	240
Section 4 Các cụm từ thường được paraphrase	242

Actual Test	246
--------------------------	-----

Actual Test - Giải thích và đáp án

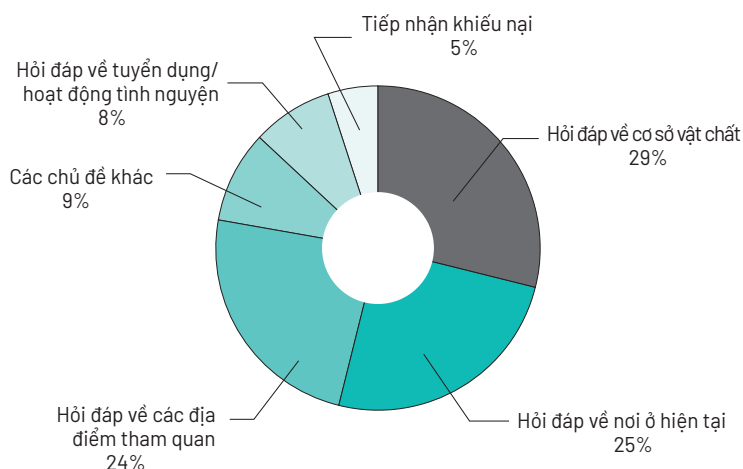
QUÉT MÃ QR ĐỂ TẢI FILE NGHE



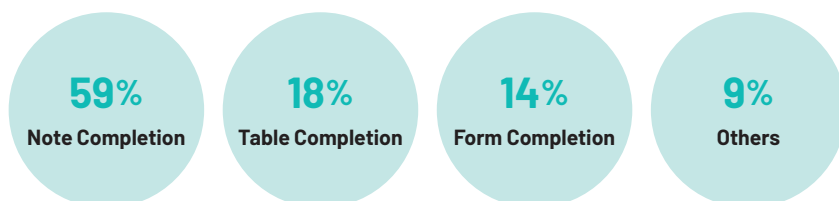


XU HƯỚNG RA ĐỀ

SECTION 1 Các chủ đề và dạng bài thường gặp



Section 1 của bài thi IELTS Listening thường xoay quanh các chủ đề về việc sử dụng cơ sở vật chất như nhà văn hóa, thư viện, hỏi đáp về nơi ở, nhu cầu thuê nhà, thuê phòng. Các chủ đề liên quan tới du lịch, địa điểm tham quan hay tiếp nhận đơn khiếu nại cũng thường xuyên xuất hiện.

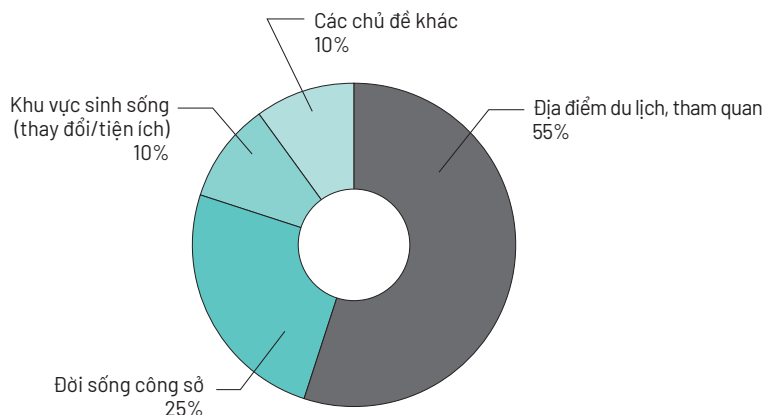


Dạng câu hỏi thường gặp trong Section 1 là Note/Table/Form Completion. Câu hỏi thường yêu cầu thí sinh nghe chép chính tả (Dictation) những thông tin như số điện thoại, số bưu điện, họ tên, ngày sinh, địa chỉ.

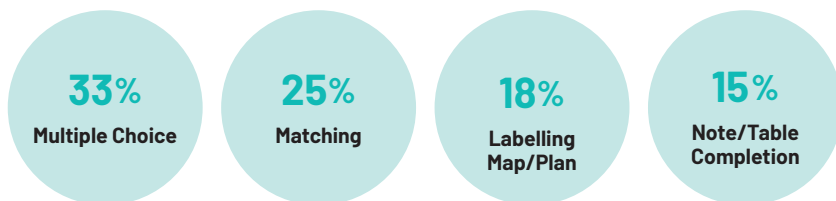
I Cấu trúc đề thi IELTS Listening I

XU HƯỚNG RA ĐỀ

SECTION 2 Các chủ đề và dạng bài thường gặp



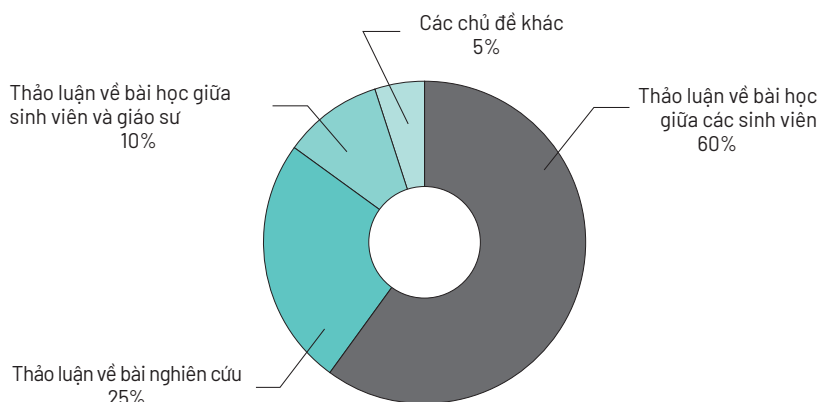
Section 2 thường giới thiệu về một chuyến du lịch, hướng dẫn lịch trình, địa điểm tham quan, thời gian xuất phát,... Ngoài ra, các chủ đề khác như giới thiệu về đời sống công sở, địa điểm làm việc, công việc, quy định dành cho nhân viên mới, hay giới thiệu về những thay đổi tại nơi sinh sống cũng thường xuyên xuất hiện.



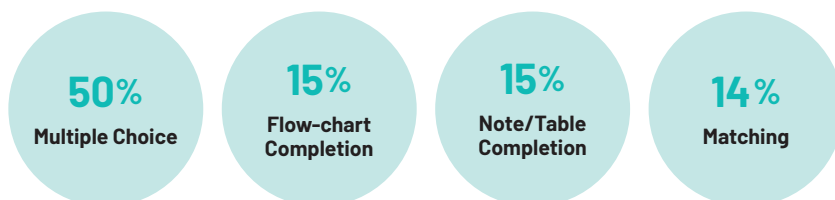
Dạng bài thường gặp nhất trong Section 2 là Multiple Choice. Các dạng bài thường gặp khác lần lượt là Matching, Labelling Map/Plan.



SECTION 3 Các chủ đề và dạng bài thường gặp



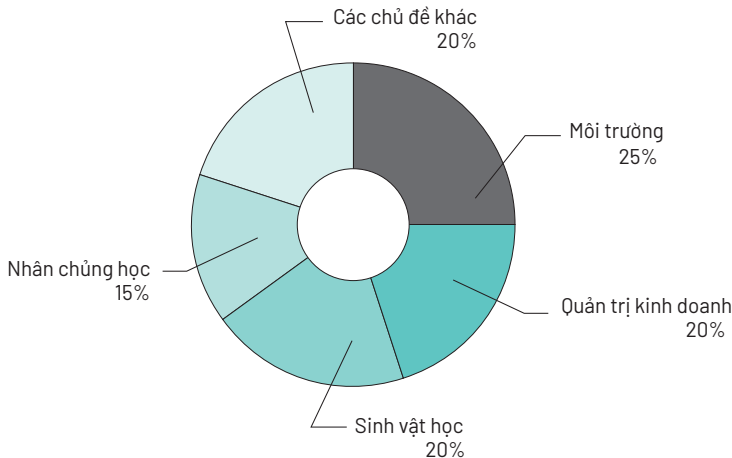
Section 3 thường là các cuộc hội thoại mang tính học thuật cao, chủ yếu là thảo luận về bài tập, luận văn ở trường đại học giữa các sinh viên hoặc giữa sinh viên với giáo viên. Section 3 sẽ có từ 2-4 người trong bài hội thoại, do đó thí sinh phải đọc kĩ câu hỏi và nắm được nội dung để biết được thông tin đó đang nói về nhân vật nào.



Trong Section 3, dạng bài thường xuất hiện nhất là Multiple choice. Các câu hỏi trong Section 3 cũng khó hơn trong Section 1 và Section 2. Tuy nhiên, các thông tin trong Section 3 thường lặp đi lặp lại nên thí sinh chỉ cần lắng nghe kĩ đoạn hội thoại là có thể tìm ra đáp án. Các dạng bài thường gặp khác là Flow-chart Completion, Note/Table Completion và Matching.

Cấu trúc đề thi IELTS Listening I

SECTION 4 Các chủ đề và dạng bài thường gặp



Các chủ đề trong Section 4 thường mang tính học thuật cao như nghiên cứu về môi trường, động thực vật, báo cáo kết quả thí nghiệm, thảo luận về văn hóa, thông tin công nghệ,... Đây là phần dài và khó nhất trong bài thi IELTS Listening nên thí sinh cần nắm chắc câu trả lời mà mình tự tin là đúng thay vì cố gắng trả lời được hết các câu hỏi ở phần này.



Dạng câu hỏi xuất hiện nhiều nhất trong Section 4 là Note Completion với tỉ lệ ra đề lên đến 70%, vì vậy thí sinh cần ôn luyện và nắm vững phương pháp làm dạng bài này để tránh mất điểm. Ngoài ra, các câu hỏi Sentence Completion, Summary Completion và Multiple Choice cũng có thể xuất hiện.

I Cấu trúc sách I

Nắm vững kĩ năng nghe hiểu căn bản

Unit 1

Listening, Speaking

Làm quen với các phát âm cơ bản

PHÂN BIỆT TỪ ĐUA PHÁT ÂM

Có những âm trong tiếng Anh được phát âm theo những cách khác nhau và các từ đồng âm trong tiếng Anh không xuất hiện trong cùng một ngữ cảnh. Âm gần giống nhau khiến người nghe khó phân biệt nhiều khả năng bạn sẽ không nghe hiểu được từ trong đoạn hội thoại vì không thể phân biệt được các từ thường xảy ra khi bạn không nắm vững các kĩ năng phát âm phân biệt đúng các từ, bạn cần học cả cách phát âm của từ MP3 hướng dẫn chi tiết cách phát âm cơ bản cho người mới học để học và luyện phát âm đúng.

1. Các phụ âm cần phân biệt

/p/

Để hai môi chạm nhau sau đó bật âm, tiếng của phụ âm /p/.

Unit 2

Listening, Speaking

Phân biệt các từ đồng âm

PHÂN BIỆT TỪ ĐUA PHÁT ÂM

Có những âm trong tiếng Anh được phát âm theo những cách khác nhau và các từ đồng âm trong tiếng Anh không xuất hiện trong cùng một ngữ cảnh. Âm gần giống nhau khiến người nghe khó phân biệt nhiều khả năng bạn sẽ không nghe hiểu được từ trong đoạn hội thoại vì không thể phân biệt được các từ thường xảy ra khi bạn không nắm vững các kĩ năng phát âm phân biệt đúng các từ, bạn cần học cả cách phát âm của từ MP3 hướng dẫn chi tiết cách phát âm cơ bản cho người mới học để học và luyện phát âm đúng.

1. Các phụ âm cần phân biệt

/b/

Để hai môi chạm nhau sau đó bật âm, tiếng của phụ âm /b/.

Giới thiệu các kĩ năng cần thiết khi học IELTS Listening

Đây là chương giới thiệu về các cách phát âm, hướng dẫn cách nghe hiểu tiếng Anh và các phương pháp luyện tập cần biết trong quá trình ôn luyện IELTS Listening. Người học sẽ được tìm hiểu về những quy tắc phát âm, phương pháp Dictation và Shadowing, cùng với cách phân tích để hiểu đúng yêu cầu của đề bài.

Chiến lược cho từng dạng bài

Mỗi bài tương ứng với một Section trong bài thi IELTS Listening

Nội dung bài học được chia thành 4 chương tương ứng với 4 Section trong đề thi IELTS Listening nhằm đưa ra cách tiếp cận có hệ thống đối với mỗi phần. Mỗi chương lại được chia thành các Unit theo thứ tự: Các từ vựng thường gặp theo chủ đề – Phân tích đề bài – Nắm vững phương pháp làm bài – Luyện tập (1) – Luyện tập (2) – Các cụm từ thường được paraphrase. Cấu trúc này giúp người học hiểu rõ đặc điểm và làm quen với cách làm bài của từng phần.

I MỤC LỤC

SECTION 1

Xu hướng ra đề gần đây của IELTS Listening

Section 1 Từ vựng thường gặp theo chủ đề

Unit 5 Phân tích đề bài

Unit 6 Nắm vững phương pháp làm bài

Unit 7 Luyện tập (1)

Dictation và Shadowing

Unit 8 Luyện tập (2)

Dictation và Shadowing

Section 1 Các cụm từ thường được paraphrase

SECTION 2

Unit 9 Từ vựng thường gặp theo chủ đề

Unit 10 Phân tích đề bài

Unit 11 Nắm vững phương pháp làm bài

Unit 12 Luyện tập (1)

Dictation và Shadowing

Unit 13 Luyện tập (2)

Dictation và Shadowing

Unit 14 Các cụm từ thường được paraphrase

SECTION 3

Unit 15 Từ vựng thường gặp theo chủ đề

Unit 16 Phân tích đề bài

Unit 17 Nắm vững phương pháp làm bài

Unit 18 Luyện tập (1)

Dictation và Shadowing

Unit 19 Luyện tập (2)

Dictation và Shadowing

Unit 20 Các cụm từ thường được paraphrase

SECTION 4

Unit 21 Từ vựng thường gặp theo chủ đề

Unit 22 Phân tích đề bài

Unit 23 Nắm vững phương pháp làm bài

Unit 24 Luyện tập (1)

Dictation và Shadowing

Unit 25 Luyện tập (2)

Dictation và Shadowing

Unit 26 Các cụm từ thường được paraphrase

8 VIC IELTS LISTENING START



Phương pháp Dictation và Shadowing

Cải thiện khả năng nghe hiểu tiếng Anh

Cuối mỗi Unit “Luyện tập” là phần luyện nghe theo phương pháp Dictation và Shadowing dựa trên nội dung đã học ở các Unit trên nhằm giúp người học cải thiện khả năng nghe hiểu tiếng Anh và đạt được band điểm mong muốn.

Luyện tập Dictation

Nghe và điền vào chỗ trống. Hãy viết câu trả lời của bạn vào chỗ trống. Sau đó kiểm tra đáp án và viết lại phiên âm.

1. You will hear a telephone conversation between a man and a woman. Write the time to look at questions 1 to 5.
2. If you take a flight that has a b...

Answer key:
1. 10.15
2. 10.15
3. 10.15
4. 10.15
5. 10.15

Luyện tập Shadowing

Nghe và điền vào chỗ trống. Hãy viết câu trả lời của bạn vào chỗ trống. Sau đó kiểm tra đáp án và viết lại phiên âm.

Answer key:
1. 10.15
2. 10.15
3. 10.15
4. 10.15
5. 10.15

Actual Test

Actual Test

ĐỀ THI THỰC XUẤT RA ĐỂ HỒI NHỚ

Check list cho bài thi IELTS LISTENING

Trước khi bắt đầu bài thi IELTS Listening, hãy đọc những nội dung dưới đây để làm quen với hình thức và độ khó của bài thi. Với bài thi IELTS Listening, bạn cần phải ghi chú vào phiếu trả lời, vì vậy hãy viết đáp án vào phiếu trả lời sau khi nghe xong. Điều này sẽ giúp bạn ghi nhớ và viết đáp án.

Kiểm tra và viết đáp án có số lượng từ/số theo yêu cầu của đề bài.

Đáp án sẽ không được tính nếu bạn viết quá nhiều từ hoặc sai chính tả, vì vậy hãy viết cẩn thận.

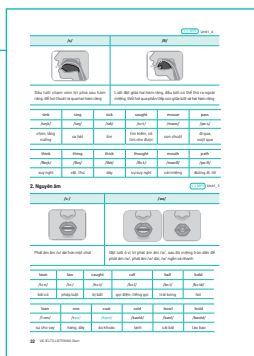
Luyện tập với các đề thi

Ở chương này, người học sẽ được thử sức với các đề thi được biên soạn theo hình thức và độ khó giống với đề thi IELTS Listening thật để ôn luyện những nội dung đã được học trong sách và đánh giá năng lực của bản thân.

I Điểm nổi bật của VIC IELTS LISTENING START I

Nội dung có hệ thống

Cuốn sách là tài liệu tổng hợp các kiến thức cần thiết cho bài thi IELTS Listening, từ giới thiệu các kĩ năng cần bản cho đến việc làm quen với nội dung của từng Section trong đề thi và áp dụng các kĩ năng đã học vào đề thi thử, giúp người học có được sự chuẩn bị hoàn hảo.



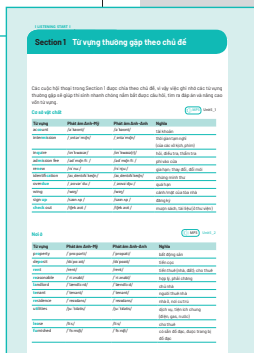
Cách tiếp cận bài bản

Bài thi IELTS Listening gồm 4 phần với các chủ đề, dạng bài, cách viết đáp án khác nhau. Cuốn sách giúp người học phân biệt rõ điểm khác biệt giữa các phần và cung cấp chiến lược làm bài hiệu quả với từng phần.



Phát âm theo nhiều giọng

VIC IELTS Listening cung cấp file nghe với nhiều cách phát âm khác nhau nhằm giúp người học làm quen với các cách phát âm có thể xuất hiện trong đề thi thật.



VỀ SECTION 1

u 1-10)
gặp giữa hai người về các chủ đề hàng ngày
hỏi đáp về nơi ở, địa điểm tham quan du lịch, chương trình / sự kiện,
hẹn gặp
Đánh giá là phần dễ nhất trong 4 Section của bài thi IELTS Listening.

Nội dung của mỗi Section

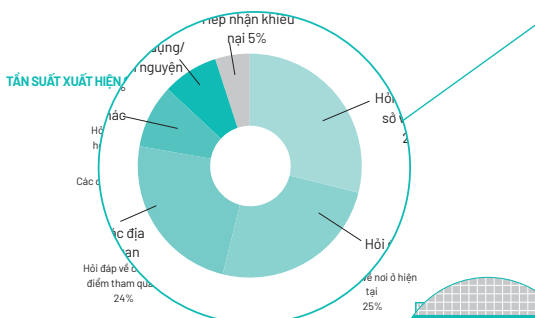
one conversation between a ② woman who is asking about a festival and a man who is organising the event.

trên, thí sinh có thể nắm bắt được nội dung tổng thể của bài nghe là ① một
n thoại giữa ② một người phụ nữ hỏi về lễ hội và ③ một người đàn ông đến
n.

3, lời giới thiệu về nội dung được chia thành hai phần, ngay khi lời giới thiệu kết thúc sẽ là hướng dẫn để thí sinh biết cần trả lời bao nhiêu câu hỏi trong

answer the questions 1 to 4.

hí sinh chắc chắn phải đọc và trả lời câu hỏi theo thứ tự từ 1-4 trước. Từ câu 5 cho thêm thời gian để phân tích câu hỏi và viết đáp án.



- ## Các cụm từ thường dùng paraphrase



chủ yếu sẽ là n

 - *be associated with* → gắn liền với
 - *be linked to* → gắn liền với
 - *be related to* → liên quan
 - *be connected to* → liên quan
 - *be associated with* → gắn liền với
 - *be linked to* → gắn liền với
 - *be related to* → liên quan
 - *be connected to* → liên quan
 - *be associated with* → gắn liền với
 - *be linked to* → gắn liền với
 - *be related to* → liên quan
 - *be connected to* → liên quan

thường từ, từ

 - *be associated with* → gắn liền với
 - *be linked to* → gắn liền với
 - *be related to* → liên quan
 - *be connected to* → liên quan
 - *be associated with* → gắn liền với
 - *be linked to* → gắn liền với
 - *be related to* → liên quan
 - *be connected to* → liên quan
 - *be associated with* → gắn liền với
 - *be linked to* → gắn liền với
 - *be related to* → liên quan
 - *be connected to* → liên quan

A donut chart illustrating the distribution of responses for the question 'How many of the following have you completed?'. The chart is divided into four segments: 'Note completed' (59%), 'Table completion' (18%), 'Form completion' (14%), and 'Others' (9%).

Response Category	Percentage
Note completed	59%
Table completion	18%
Form completion	14%
Others	9%

Nội dung bài học được xây dựng dựa theo các chủ đề và dạng bài thường xuất hiện trong đề thi IELTS Listening, giúp các thí sinh có cách học hiệu quả nhất trong thời gian ngắn nhất.

Đầu mỗi phần đều có các từ vựng chia theo chủ đề thường gặp trong bài thi, giúp người học dễ dàng tiếp cận với nội dung trọng tâm cần học. Cuối mỗi phần đều tổng hợp các cụm từ được paraphrasing thường gặp trong đề thi và đáp án của bài thi.

Unit 3

I LISTENING START I

Phương pháp Dictation và Shadowing



PHƯƠNG PHÁP DICTATION

Dictation (nghe chép chính tả) là một trong những phương pháp căn bản để học Listening hiệu quả, mà ở đó người học được làm quen với cách phát âm của người bản ngữ như cách nhấn trọng âm, lên xuống giọng trong câu, đồng thời nhớ được cách viết của từ vựng. Đây là một trong những phần thi dễ kiếm điểm trong bài thi IELTS Listening nên người học cần tập trung luyện tập kĩ năng này.

STEP 1 Tập nghe nhiều lần và ghi lại những gì nghe được

Hãy bật file nghe, tập trung nghe và viết lại những gì nghe được. Bạn có thể nghe 2-3 lần hoặc nhiều hơn, nhưng hãy cố gắng viết lại những âm hoặc từ đã nghe được và chỉ chuyển sang câu khác khi không thể nghe ra nội dung đó. Nếu không biết cách viết phiên âm của từ nghe được, bạn có thể viết phiên âm theo ý hiểu của mình và kiểm tra lại sau khi đối chiếu với đáp án.

 MP3 Unit3_1

MAN: Good afternoon, this is London Art Gallery. How can I help you?

WOMAN: Oh, hello. I'm visiting my family in London over the summer holiday, and my cousin told me you'll be then. She said I could call to find out more information.

MAN: Indeed. Our Contemporary Art Exhibit will open 21st of July and run until 11th of August.

WOMAN: Great. I'll arrive on the 20th and will stay until the 3rd of August. Will there be an?

MAN: We have a small reception planned for the opening night of the exhibition, starting at 7 o'clock. I'd recommend arriving early to enjoy some refreshments. Light snacks and wine will be provided. And there will be a small A local folk musician has been asked to play a few songs. Everything should be finished by 10 o'clock.

WOMAN: Sounds fantastic.

Ví dụ

MAN: Good afternoon, this is London Art Gallery. How can I help you?

WOMAN: Oh, hello. I'm visiting my family in London over the summer holiday, and my cousin told me you'll be holding an (ex-ser-bi-tion) then. She said I could call to find out more information.

MAN: Indeed. Our Contemporary Art Exhibit will open 21st of July and run until 11th of August.

WOMAN: Great. I'll arrive on the 20th and will stay until the 3rd of August. Will there be an opening event?

MAN: We have a small reception planned for the opening night of the exhibition, starting at 7 o'clock. I'd recommend arriving early around 6 o'clock to enjoy some refreshments. Light snacks and wine will be provided. And there will be a small (musi-cal per-for-mans). A local folk musician has been asked to play a few songs. Everything should be finished by 10 o'clock.

WOMAN: Sounds fantastic.

STEP 2 Chấm điểm

Sau khi nghe xong, bạn hãy đọc và kiểm tra lại lần nữa những nội dung đã viết. Sau đó, nghe lại và viết lại từ theo đúng phiên âm rồi đối chiếu với đáp án.

MAN: Good afternoon, this is London Art Gallery. How can I help you?

WOMAN: Oh, hello. I'm visiting my family in London over the summer holiday, and my cousin told me you'll be holding an exhibition then. She said I could call to find out more information.

MAN: Indeed. Our Contemporary Art Exhibit will open 21st of July and run until 11th of August.

WOMAN: Great. I'll arrive on the 20th and will stay until the 3rd of August. Will there be an opening event?

MAN: We have a small reception planned for the opening night of the exhibition, starting at 7 o'clock. I'd recommend arriving early around 6 o'clock to enjoy some refreshments. Light snacks and wine will be provided. And there will be a small musical performance. A local folk musician has been asked to play a few songs. Everything should be finished by 10 o'clock.

WOMAN: Sounds fantastic.

STEP 3 Phân tích các lỗi sai

Sau khi hoàn thành bài nghe và đối chiếu kết quả với đáp án, hãy sử dụng từ điển để tra phiên âm và nghĩa của những từ bạn không rõ phát âm hoặc không biết nghĩa. Sau đó, viết lại các từ này vào một cuốn sổ. Đây cũng là một cách để bạn mở rộng vốn từ của mình.

PHƯƠNG PHÁP SHADOWING

Shadowing (nói nhại) là phương pháp bắt chước ngữ điệu, nhịp điệu và cách phát âm của người bản xứ. Nhờ đó, người học có thể luyện được khả năng nghe hiểu và cải thiện kỹ năng nói. Hãy cùng tìm hiểu và luyện tập phương pháp shadowing theo các bước dưới đây.

STEP 1 Nghe và ghi lại các từ khóa/cấu trúc nghe được



Unit3_2_0

Để "nhại" được theo giọng của người nói, bạn hãy nghe trước. Bạn có thể nghe lại nhiều lần để nắm bắt được tốc độ, cách phát âm và nhấn nhá từ của người nói, đồng thời hãy ghi lại những từ hoặc cấu trúc ngữ pháp khó để bổ sung kiến thức. Dưới đây là ví dụ về việc ghi lại các từ khóa nghe được trong phần này.

- day trip to Bradford Castle
- before departing
- shots of the surrounding landscape

STEP 2 Nói theo cả đoạn văn **MP3** Unit3_2_1

Nghe và nói theo script dưới đây. Ở lượt đầu, bạn sẽ nghe với tốc độ nhanh, hãy chú ý để nắm bắt nội dung và cách phát âm. Sau đó, ở lượt thứ hai, bạn sẽ nghe với tốc độ chậm hơn, lúc này hãy nói theo từng câu, từng chữ thật chậm theo đúng cách phát âm, nhấn nhá và ngữ điệu của người nói. Với mỗi câu, bạn nên nghe lại và tập luyện nhiều lần cho tới khi giọng đọc của mình giống với bài nghe.

OK. I've finished organising our day trip to Bradford Castle. Let me tell you the plan. We'll be riding a tourist bus to the castle on Thursday, 12th of July. The bus leaves at 8 o'clock in the morning, which is quite early. Our most convenient option is having our hotel's Breakfast service before departing. So, let's meet downstairs at 7:30. The drive to Bradford will take two hours, but once we arrive, we'll meet our tour guide, Craig White. He's knowledgeable about the castle's history and will lead us on a hike around the area, during which we can get some shots of the surrounding landscape.

Sau khi nói nhẩm theo đúng tốc độ của bài nghe, bạn hãy nói mà không nhìn vào script. Hãy nhẩm thành tiếng, cố gắng nói theo đúng ngữ điệu, cách phát âm và tốc độ với người nói trong bài. Khi luyện tập theo phương pháp shadowing, bạn có thể sử dụng máy ghi âm để thu lại giọng của mình và so sánh với bài nghe mẫu. Nghe lại phần ghi âm sẽ giúp bạn tìm ra lỗi sai và sửa lại phát âm sao cho đúng với giọng mẫu.

2. Flow-chart Completion

STEP 1 Phân tích đề và yêu cầu của đề bài trước khi bài nghe bắt đầu

Dạng bài Flow-chart Completion thường được ra dưới hai dạng: chọn đáp án từ các phương án cho trước, hoặc yêu cầu thí sinh tự viết đáp án.

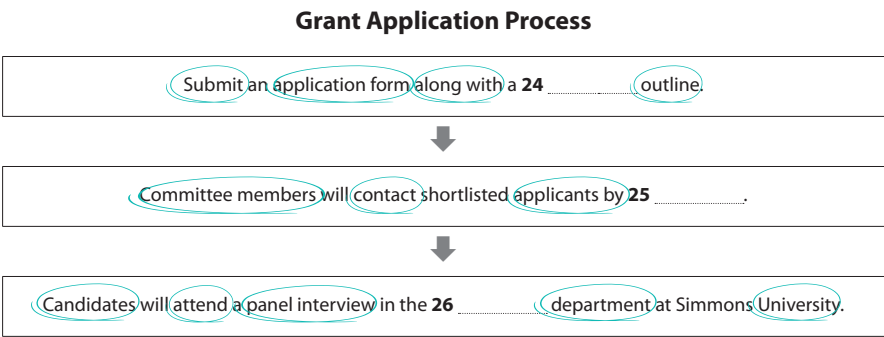
Questions 24-26

Complete the **flow chart** below.

Write **ONE WORD ONLY** for each answer. → Xác định số lượng từ đối với dạng bài tự viết đáp án.

STEP 2 Đánh dấu từ khóa trước khi bài nghe bắt đầu

Đọc các thông tin cho trước trong đề bài và đánh dấu vào các từ khóa. Dự đoán thông tin hoặc từ loại cần điền dựa vào các từ đứng trước và sau chỗ trống.



STEP 3 Dựa vào các từ khóa và từ nối để tìm ra đáp án

Trong quá trình thi, thí sinh cần dựa vào các từ khóa để tìm kiếm thông tin cần điền theo thứ tự từ trên xuống dưới của lưu đồ. Thí sinh cần chú ý lắng nghe khi các từ nối xuất hiện bởi thông tin có liên quan đến đáp án thường được đề cập ngay sau đó.

Liệt kê	So sánh / Đối chiếu	Ví dụ / Ấn dụ
At first, After A, B ~ Then, Finally, Next, In the end,	However (but), On the other hand, On the contrary, In comparison to, Unlike A, B is ~ While A ~, B is ~	For example (for instance), Things like ~ It's just like ~ Let's say ~ It's similar to ~ Such as ~

Warm-up Test



Nghe và trả lời các câu hỏi dưới đây.

Questions 21-24

Choose the correct letter, **A**, **B**, or **C**.

 MP3 Unit13_3

- 21 Why was Andy unable to meet Sally for lunch?
- A He was giving a presentation.
 - B He was purchasing a camera.
 - C He was meeting with the course leader.
- 22 What does Andy plan to do this afternoon?
- A Take some pictures
 - B Attend a class
 - C Check some Websites
- 23 What must the students do by December 12th?
- A Submit an outline
 - B Complete a project
 - C Create a portfolio
- 24 What does Sally suggest focusing on?
- A Photographs of landscapes
 - B Photographs of people
 - C Photographs of objects

Answers

1 C

2 C

3 A

4 B

Phân tích đề bài**STEP 1 Phân tích đề và yêu cầu của đề bài trước khi bài nghe bắt đầu**

Choose the correct letter, A, B, or C.

Chọn đáp án A, B hoặc C.

STEP 2 Dựa vào các từ để hỏi trong đề bài để dự đoán nội dung trước khi bài nghe bắt đầu

21 **Why** was Andy unable to meet Sally for lunch?

→ Hỏi về lý do

22 **What** does Andy plan to do this afternoon?

→ Hỏi về một thông tin cụ thể (kế hoạch)

23 **What** must the students do by December 12th?

→ Hỏi về một thông tin cụ thể (kế hoạch)

24 **What** does Sally suggest focusing on?

→ Hỏi về một thông tin cụ thể (nội dung đề xuất)

STEP 3 Đánh dấu từ khóa trước khi bài nghe bắt đầu

*Chữ xanh: Từ khóa

21 **Why** was Andy unable to meet Sally for lunch?

A He was giving a presentation.

B He was purchasing a camera.

C He was meeting with the course leader.

Vì sao Andy không thể gặp Sally để cùng ăn trưa?

Anh ấy đang thuyết trình.

Anh ấy đang đi mua một chiếc máy ảnh.

Anh ấy đang họp với trưởng bộ môn.

22 **What** does Andy plan to do this afternoon?

A Take some pictures

B Attend a class

C Check some websites

Andy dự định làm gì vào chiều nay?

Chụp ảnh.

Đi học.

Kiểm tra một vài trang web.

23 **What** must the students do by December 12th?

A Submit an outline

B Complete a project

C Create a portfolio

Các sinh viên phải làm gì trước ngày 12 tháng 12?

Nộp dàn bài.

Hoàn thành dự án

Lập hồ sơ năng lực cá nhân

24 **What** does Sally suggest focusing on?

A Photographs of landscapes

B Photographs of people

C Photographs of objects

Sally đề xuất nên tập trung vào điều gì?

Ảnh chụp phong cảnh

Ảnh chụp người

Ảnh chụp vật

Tip Xác định các nhân vật trong đoạn hội thoại

Bài nghe trong Section 3 thường là đoạn hội thoại có nhiều hơn 2 nhân vật, nên việc xác định trước đề bài yêu cầu thông tin về nhân vật nào để tập trung nghe phần thông tin liên quan đến nhân vật đó sẽ rất có ích cho việc tìm đáp án. Ví dụ, yêu cầu của đề bài cho biết đây là cuộc hội thoại giữa 2 sinh viên: sinh viên nữ tên Sally và sinh viên nam tên Andy. Thí sinh hãy chú ý lắng nghe các thông tin được đưa ra bởi 2 nhân vật này và bám sát mạch bài nghe để trả lời câu hỏi.

Questions 21-24

* **Chữ xanh:** từ khóa **Chữ in nghiêng:** nội dung chứa đáp án

You will hear two students discussing a photography project for an art class.

Bạn sẽ được nghe hai sinh viên thảo luận về một dự án nhiếp ảnh ở một lớp học nghệ thuật.

First, you have some time to look at questions 21 to 24.

Trước hết, bạn sẽ có thời gian để xem các câu hỏi từ 21 đến 24.

Now listen carefully and answer questions 21 to 24.

Giờ thì hãy lắng nghe kĩ và trả lời các câu hỏi từ 21 đến 24.

ANDY: Hi, Sally. **Sorry I wasn't able to meet for lunch earlier.** ²¹*Our course leader wanted to talk to me to discuss the presentation I gave yesterday.*

Andy: Chào Sally. Xin lỗi vì vừa rồi mình không thể ăn trưa cùng cậu. Trưởng bộ môn của chúng ta muốn nói chuyện với mình để trao đổi về bài thuyết trình mà mình đã thực hiện hôm qua.

SALLY: Don't worry about it. So, Andy, my schedule is clear for the rest of today. How about we start working on the photography project for Mr. Samson's art class?

Sally: Đừng bận tâm về chuyện đó. Andy này, lịch học của mình đang trống đến cuối ngày đấy. Hay là chúng ta bắt đầu tiến hành dự án nhiếp ảnh cho lớp nghệ thuật của thầy Samson nhỉ?

ANDY: Sounds good to me. I took some pictures this morning, but I wasn't happy with the way they turned out. I was thinking of buying a more advanced camera this weekend.

Andy: Mình thấy được đấy. Mình đã chụp một vài bức ảnh sáng nay, nhưng mình không hài lòng với kết quả lắm. Mình đang nghĩ đến việc mua một chiếc máy ảnh cao cấp hơn vào cuối tuần này.

SALLY: Great! That would certainly help us to get some nice photos. Do you have any idea what kind you'll get?

Sally: Tuyệt quá! Nó chắc hẳn sẽ giúp chúng ta chụp được những bức ảnh đẹp. Cậu đã định mua loại nào chưa?

ANDY: Hmm... I'm not sure. ²²*I think I'll look online this afternoon and compare the features and prices of some different models.* We can start planning our pictures, too.

Andy: Ừm... Mình vẫn chưa quyết. Mình nghĩ là mình sẽ tìm hiểu trên mạng trong chiều nay và so sánh tính năng cũng như giá của một số mẫu khác nhau. Chúng ta cũng bắt đầu lên kế hoạch chụp ảnh đi.

SALLY: Yes, I think it's a good idea that we get started. Even though the project doesn't need to be finished until December 20th, ²³*we need to hand in our outline to Mr. Samson for the project by December 12th.*

Sally: Ừ, mình nghĩ là chúng ta nên bắt đầu luôn đi. Dù dự án không nhất thiết phải xong trước ngày 20 tháng 12, nhưng chúng ta cũng cần nộp phác thảo dự án cho thầy Samson trước ngày 12 tháng 12.

ANDY: *I was thinking that it would be a good idea to focus on taking pictures of natural landscapes for the project.* There are some nice spots not far from the city.

Andy: Mình nghĩ là chúng ta nên tập trung vào ý tưởng chụp cảnh thiên nhiên cho dự án này. Có một nơi rất đẹp cách thành phố không xa lắm.

SALLY: Um, I considered that, but a lot of our classmates are already doing that. ²⁴*Let's try to stand out and take some beautiful pictures of some of our friends and family.*

Sally: Ừm, mình cũng có ý đó, nhưng nhiều bạn khác trong lớp cũng làm vậy rồi. Hãy thử làm khác đi và chụp một vài bức ảnh đẹp về bạn bè và gia đình của chúng ta đi.

ANDY: Oh, I like that idea. Well, let's go to the coffee shop and talk about it in more detail.

Andy: Ồ, mình thích ý tưởng đó đấy. Vậy chúng ta đến quán cà phê và nói chuyện cụ thể hơn đi.

- 21 Trong nội dung liên quan đến các từ khóa (Why, Andy unable, meet Sally, lunch), Andy đã nói: "Sorry I wasn't able to meet for lunch earlier. Our course leader wanted to talk to me to discuss the presentation I gave yesterday" nhằm cho biết anh ấy không thể đi ăn trưa với Sally vì có cuộc họp với trưởng bộ môn. Đáp án là (C).

- 22 Trong nội dung liên quan đến các từ khóa (What, Andy plan, this afternoon), Andy đã nói rằng: "I think I'll look online this afternoon and compare the features and prices of some different models" nhằm cho biết rằng anh ấy sẽ lên mạng và so sánh về giá cũng như chức năng của một số mẫu máy ảnh vào buổi chiều. Đáp án là (C).

Paraphrasing

look online: xem trên mạng → check some websites: kiểm tra một số trang web

- 23 Trong nội dung liên quan đến các từ khóa (What, students, by December 12th), Sally đã nói rằng: "we need to hand in Mr. Samson our outline for the project by December 12th" nhằm cho biết bản phác thảo dự án sẽ cần nộp trước ngày 12 tháng 12. Đáp án là (A).

Đối với thời gian và tên địa điểm trong bài nghe, các phương án cho trước thường giữ nguyên thông tin và không được paraphrase, thí sinh chỉ cần tập trung nghe các nội dung xung quanh từ khóa "December 12th" là có thể tìm ra đáp án.

Paraphrasing

hand in: nộp → submit: nộp

- 24 Trong nội dung liên quan đến các từ khóa (What, Sally suggest, focusing on), Sally đã nói rằng: "Let's try to stand out and take some beautiful pictures of some of our friends and family" nhằm cho biết để làm khác đi, họ hãy thử chụp một vài bức ảnh về bạn bè và gia đình. Đáp án là (B).

Paraphrasing

pictures of friends and family: ảnh bạn bè và gia đình → photographs of people: ảnh chụp người

Vocabulary & Expressions

course leader [kɔ:(r)s 'li:də(r)] trưởng bộ môn **attend** [ə'tend] tham gia, có mặt **submit** [səb'mɪt] nộp, đệ trình **outline** ['aʊtlaɪn] dàn bài, phác thảo **complete** [kəm'pli:t] hoàn thành xong **landscape** ['lændskeɪp] phong cảnh **object** [UK /'ɒbdʒɪkt/ US /'ɑ:bdʒɪkt/] đồ vật, vật thể **the rest of** [ðə rest əv] phần còn lại của ~ **work on** [UK/wɜ:k ɒn/ US /wɜ:k ɑ:n/] làm, thực hiện **photography** [UK /fə'tɒɡrəfi/ US /fə'tɑ:ɡrəfi/] nhiếp ảnh **turn out** ['tɜ:naʊt làm ra, cho ra kết quả, thành quả là ~ **compare** [kəm'peə(r)] so sánh **feature** ['fi:tʃə(r)] đặc tính, tính năng, điểm đặc trưng **hand in** [hænd ɪn] nộp; đệ trình **stand out** [stænd aʊt] nổi bật, khác đi